TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2023/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Lương Th, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Plei H, thị trấn N, huyện C, tỉnh G.

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Plei H, thị trấn N, huyện C, tỉnh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh G vào ngày 10/11/2003. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã. Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th đều cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th có 02 con chung là cháu Lê Lương T, sinh ngày 06/10/2004 (nam) và Lê Thị Phương T, sinh ngày 12/5/2010 (nữ).

Hiện cháu Lê Lương T đã thành niên trưởng thành. Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 12/5/2010 (nữ) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Anh Th có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con chung kể từ ngày 15/6/2023.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th không yêu cầu Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001358 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th có 02 con chung là cháu Lê Lương T, sinh ngày 06/10/2004 (nam) và Lê Thị Phương T, sinh ngày 12/5/2010 (nữ).

Anh chị thỏa thuận: Giao con chung là cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 12/5/2010 (nữ) cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Anh Lê Lương Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 15/6/2023. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T được nhận số tiền này để nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001358 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Chị Trần Thị T và anh Lê Lương Th đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND thị trấn N (số 193/2003);
- Lưu/: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tiến Sỹ